TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 9 - 2021
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HN ngày 27 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-HN ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu Kh, sinh năm 1994, nơi cư trú: Số khóm B 6, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Yu Chang W, sinh năm 1978, nơi cư trú: Lộ Thành Công Nhất, khóm 031, phường Triều Đông, khu Nhân Ái, thành phố Cơ Long, Đài Loan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Kh trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu Kh và ông Yu Chang W do mai mối quen nhau, tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số vào sổ đăng ký kết hôn số 209, Quyển 02 ngày 08-10-2013. Sau khi kết hôn ông W làm thủ tục bảo lãnh bà Kh sang định cư Đài Loan, do phỏng vấn không đạt nên ông W đi về giữa Việt Nam và Đài Loan để thăm bà Kh nhưng sau đó thưa dần, giữa bà Kh và ông W phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không chăm lo cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt, bà Kh và ông W không còn liên lạc từ năm

2015 đến nay, bà Kh yêu cầu ly hôn với ông Yu Chang W.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Yua Chang W đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án và cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 09-6-2021 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an nhưng đến nay ông Yu Chang W không có ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà Kh.

Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự do bà Kh xin vắng mặt và ông Yu Chang W vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn, ông Yu Chang W quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), cư trú tại : Lầu 5/1 số 24, hẻm 133 Lộ Thành Công Nhất, khóm 031, phường Triều Đông, khu Nhân Ái, thành phố Cơ Long, Đài Loan. Nguyên đơn cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, ông Yu Chang W đã được cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan- Trung Quốc thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt Tống đạt Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) vào ngày 09/6/2021 nhưng ông Yu Chang W không liên hệ Tòa án để có ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thu Kh và ông Yu Chang W có quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, giấy chứng nhận kết số 209, Quyển 02 ngày 08-10-2013nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của nguyên đơn, sau khi kết hôn ông Yu Chang W làm thủ tục bảo lãnh bà Kh sang định cư Đài Loan nhưng phỏng vấn không đạt. Ông Yu Chang W có về Việt Nam để thăm bà Kh nhưng sau đó thưa dần, giữa bà Kh và ông Yu Chang W phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không chăm lo cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt, bà Kh và ông Yu Chang W không còn liên lạc từ năm 2015 đến nay. Về phía bị đơn,

ông Yu Chang W, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không gửi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Kh. Xét thấy, bà Kh và ông Yu Chang W không chung sống cùng nhau từ năm 2015, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà Kh yêu cầu ly hôn với ông Yu Chang W là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Kh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng (đã nộp xong)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Kh.

1. Bà Nguyễn Thị Thu Kh được ly hôn với ông Yu Chang W.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07-10-2013 vào sổ đăng ký kết hôn số 209, Quyển 02 ngày 08-10-2013 của Ủy ban nhân tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu Kh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009482 ngày 29-3-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Kh đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Thu Kh phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007441 ngày 30-3-2021 của Cục Thi

hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Thu Kh đã nộp đủ lệ phí uỷ thác tư pháp.

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Kh là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Thời hạn kháng cáo của ông Yu Chang W là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GĐ và NCTN;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm